| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4- HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 133/2026/HS-ST
Ngày: 12/2/2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thu Ngân**

*Các Hội Thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn M Tuấn
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 2 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 1 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đình Đ,** sinh năm 2003; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở tại: Thôn T, Xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học Q; văn hóa: 12/12; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Xuân L và con bà Lê Thị Hồng M; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú từ ngày 11/11/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Hà Nội- có mặt tại phiên tòa

***Người bị hại**: Chị Dương Bình Nhật M, sin năm 2004; Địa chỉ: Số111 L, Đ, Hà Nội- có đơn xin vắng mặt

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1956; Địa chỉ: A2701 chung cư P, C, Hà Nội.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 3 ngõ 40 đường T, xã A, TP. Hà Nội.
- Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

( Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Đ và chị Dương Bình Nhật M (sinh năm 2004, HKTT: Ô, xã M, tỉnh Ninh Bình) có quan hệ T cảm và sinh sống cung nhau tại số 11A ngách 66/18/58 phố D, C, Hà Nội từ đầu năm 2024. Khoảng giữa tháng 9/2024, chị M được gia đình mua cho 01 chiếc xe máy Honda Vision màu xanh đen, BKS 35AF-0XX.XX để đi lại. Quá trình ở cùng phòng trọ, chị M để chìa khóa và đăng ký xe trên bàn để cho Đ cùng sử dụng. Vào buổi trưa ngày 06/10/2024, sau khi Đ

chở chị M về đến khu trọ thì Đ mượn xe của chị M để đi đáo hạn thẻ ngân hàng xong thì nảy sinh ý định đi cầm chiếc xe máy Honda Vision màu xanh đen, BKS 35AF-0XX/XX của chị M đi cầm đồ lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đ điều khiển xe máy của chị M đến hiệu cầm đồ tại số 58 V và sử dụng đăng ký xe của chị M mà Đ đã cầm theo trước đó cầm cố chiếc xe trên cho ông Nguyễn Khắc H (sinh năm 1956, HKTT: Căn hộ B203 CC P, phường C, Hà Nội) với giá 20.000.000 đồng, việc cầm cố xe có viết giấy tờ rồi ông H chuyển tiền cho Đ. Chiều cùng ngày, Đ gọi điện cho ông H để lấy thêm 5.000.000 đồng và ông H đồng ý nên Đ gọi điện đến của hàng cầm đồ để lấy thêm 5.000.000 đồng và ông H đồng ý nên Đ đến cửa hàng cầm đồ để lấy thêm 5.000.000 đồng từ chỗ ông H. Toàn bộ số tiền cắm xe có được, Đ sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Sau khi cầm cố xe của chị M, Đ về nói dối chị M là mất xe rồi. Chị M nghi ngờ Đ mang xe đi cầm cố nên yêu cầu Đ phải chuộc xe về trả lại cho mình, tuy nhiên Đ nhiều lần khất, không thực hiện việc chuộc xe.

Đến ngày 14/10/2024, Đ nảy sinh ý định bán luôn chiếc xe máy của chị M để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đ lên mạng facebook vào nhóm mua bán xe máy cũ đăng bài  với nội dung bán chiếc xe máy Honda Vision màu xanh đen, biển kiểm soát: 35AF-0XX.XX. Sau khi Đ đăng bài thì anh Nguyễn Văn T (sinh năm: 1994, nơi thường trú: số 3 ngõ 40 đường T, xã A, TP. Hà Nội) liên hệ mua chiếc xe máy trên. Đến ngày 15/10/2024, anh T gặp Đ và hai bên thoả thuận, thống nhất Đ bán chiếc xe trên cho anh T với giá 33.000.000 đồng. Sau đó, Đ lấy CCCD của chị M để trên bàn trong phòng trọ mang đi và hẹn anh T đến quán cầm đồ số 58 V để mua bán xe. Tại quán cầm đồ của ông H, anh T thanh toán cho ông H số tiền cầm cố chiếc xe máy là 25.450.000 đồng *(gồm* 25.000.000 *đồng* tiền *cắm xe và 450 đồng* tiền *lãi)*. Sau đó Đ và anh T ra quán nước ở số 12 ngõ 181 V. Tại đây, Đ nói với anh T nguồn gốc chiếc xe máy trên là của mình nhưng đứng tên người yêu và đưa CCCD, đăng ký xe máy mang tên chị Dương Bình Nhật M cho anh T kiểm tra và chụp lại. Do tin tưởng chiếc xe máy trên là của Đ nên anh T đồng ý trả nốt cho Đ số tiền còn lại là 7.500.000 đồng, Đ giao xe và đăng ký xe cho anh T, việc mua bán xe không viết giấy tờ gì. Số tiền bán xe có được, Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi biết được Đ đã bán xe máy của mình, chị M nhiều lần yêu cầu Đ phải mang xe về trả nhưng Đ không trả lại xe cho chị M dẫn đến hai bên mâu thuẫn và chấm dứt quan hệ T cảm. Sau đó, Nguyễn Đình Đ chuyển đi nơi khác sinh sống và cố T trốn tránh, không gặp chị M để giải quyết sự việc. Ngày 11/11/2025, chị M phát hiện Đ đang ở đường Trần Quốc Hoàn nên đến Công an phường C trình báo sự việc. Cơ quan Công an mời Đ về trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an Đ đã xin đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình (BL 26 – 43, 46 – 52, 53 -58, 59-62).

***Vật chứng thu giữ:***

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu đen thu giữ của Nguyễn Đình Đ (BL 459);

- 01 hợp đồng cầm cố kiêm khế ước (bản phô tô); 01 sổ tay quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ (phô tô từ số 172 đến 179) do *ông Nguyễn Khắc H giao nộp*) (BL *454 – 456);*

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Visison, màu xanh đen, biển kiểm soát: 35AF-0XX.XX *do anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp (BL 457);*

Ngày 12/11/2025, Cơ quan điều tra đã ra Yêu cầu định giá tài sản đề nghị hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình *sự* phường C định giá đối với chiếc xe máy nêu trên (BL477).

*Tại* bản *kết luận định giá tài sản số 07 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình* sự *phường C kết luận*: Trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vison, màu xanh đen, đeo BKS: 35AF-0XX.XX, số máy JK03E557XXXX, khung: RLHJK034XRZ13XXXX là **29.000.000** đồng *(Hai mươi* chín *triệu đồng*) (*BL 460 – 464)*.

Đối với ông Nguyễn Khắc H và anh Nguyễn Văn T, khi nhận cầm cố và mua chiếc xe máy trên từ Đ, không biết là xe do Đ phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý (BL 54 – 62).

*Về xử* ***lý vật*** *chứng:* Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chị Dương Bình Nhật M chiếc xe máy Honda Vision, BKS: 35AF-0XX.XX. Chị M đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì về dân sự (BL 483 – 484).

Đối với các vật chứng còn lại gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu đen thu giữ của Nguyễn Đình Đ tiếp tục chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

*Về trách* ***nhiệm dân sự:*** Nguyễn Đình Đ đã nhờ bố đẻ mình là ông Nguyễn Xuân L (Sinh năm 1971, HKTT: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình) bồi thường lại cho anh T số tiền 27.000.000 đồng để chuộc xe về trả cho chọ M. Anh T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác (BL 64, 472 – 473).

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 272/CT-VKS ngày 27/1/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Đ tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Đình Đ từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Đ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu đen không liên quan đến vụ án;

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đình Đ đã nhờ bố đẻ mình là ông Nguyễn Xuân L (Sinh năm 1971, HKTT: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình) bồi thường lại cho anh T số tiền 27.000.000 đồng để chuộc xe về trả cho chọ M. Anh T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng thu được của vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/10/2025, Nguyễn Đình Đ lợi dụng sự tin tưởng của chị Dương Bình Nhật M giao chiếc xe máy Honda Vision màu xanh đen đeo biển số 35AF - 0XX.XX trị giá 29.000.000 đồng cho Đ, Đ đã mang chiếc xe máy trên đi cầm cố tại số 58 V, phường C, cho ông Nguyễn Khắc H và sau đó đã bán cho anh Nguyễn Văn T lấy số tiền 32.950.000 đồng. Số tiền Đ chiếm đoạt đã tiêu sài cá nhân hết. Sau đó, Đ cắt liên lạc,chuyển chỗ ở để trốn tránh và không trả tài sản cho chị M nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 272/CT-VKS ngày 27/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội đã truy tố đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể trực tiếp là quyền sở hữu về tài sản của người dân được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này bị cáo đã lợi dụng niềm tin của người yêu của bị cáo là chị Dương Bình Nhật M để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là hành vi đáng lên án cần áp dụng hình phạt nghiêm M mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải;gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có nộp các tài liệu thể hiện là gia đình có công với cách mạng. Đây là T tiết để áp dụng điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo nhân thân chưa có tiền án tiền sự, tuổi đời còn trẻ, hiện đang là sinh viên năm cuối trường Đại học Q, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bố mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo sống cùng mẹ, mẹ bị cáo bị bệnh trầm cảm
(có hồ sơ bệnh án kèm theo), bị cáo là chỗ dựa tinh thần duy nhất của mẹ bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát để bị cáo tiếp tục tham gia việc học tập tại trường Đại học.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu đen thu giữ của Nguyễn Đình Đ không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp uật

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

**Tuyên bố**: Bị cáo **Nguyễn Đình Đ** phạm tội **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 .

- Điều 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt **Nguyễn Đình Đ 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.**

**Quyết định trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.**

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Đ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 15 plus màu đen thu giữ của Nguyễn Đình Đ;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 4- Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1- Công an TP Hà Nội
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4- Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM THỊ THU NGÂN**